

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNST

Ngày: 30/01/2023

Vv: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Trương Văn Ánh

2/Ông Trừ Trung Tín

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân: không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 234/2022/TLST – HNGĐ ngày 13/10/2022. Về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST – HNGĐ, ngày 03/01/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1992 (Xin mặt)

Nơi cư trú: Thôn Q, xã P, Thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Lâm Thành B, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Nơi cư trú : Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản khai ngày 5/9/2022 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N trình bày:

Vào năm 2020, chị Nguyễn Thị Bích N và anh Lâm Thành B quen biết, tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, cha mẹ hai bên đồng ý, anh chị không có tổ chức lễ cưới. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thành Lợi, huyện B, Vĩnh Long và được cấp chứng nhận kết hôn vào ngày 17/11/2021.

Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc nhưng vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tạo lập tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về mâu thuẫn gia đình: Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Anh chị mỗi người có một quan điểm sống không ai nhường nhịn nhau. Vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống không ai nói chuyện với ai. Vợ chồng đã nhiều lần khuyên bảo nhau thay đổi để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng đều không thành từ đó đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2022 cho đến nay. Hiện vợ chồng mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích N xin ly hôn anh Lâm Thành B.

Về con chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về quan hệ tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bảng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có sơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Xin ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại địa phương do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét Chị Nguyễn Thị Bích N nộp đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 24/11/2022. Lý do: đi làm xa và làm công nhân của Công ty nên không thể dự tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử. Chị N xin bảo lưu lời khai và yêu cầu của chị theo đơn khởi kiện tại Tòa án. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử xem xét quyết định xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Bích N.

Xét Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử anh Lâm Thành B được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến dự tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ – HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên Hội đồng xét xử xem xét quyết định xét xử vắng mặt anh Lâm Thành B.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2020, chị Nguyễn Thị Bích N và anh Lâm Thành B quen biết, tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, cha mẹ hai bên đồng ý, anh chị không có tổ chức lễ cưới. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thành

Lợi, huyện B, Vĩnh Long và được cấp chứng nhận kết hôn vào ngày 17/11/2021 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn dẫn đến không ai nói chuyện với ai. Anh chị không dung hòa được tình cảm vợ chồng, không hàn gắn được hạnh phúc gia đình. Chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nữa, mục đích hôn nhân không đạt được do đó chị N không còn mong muốn cùng anh B xây dựng một gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Nên chị N cương quyết ly hôn. Xét yêu cầu của chị N là có cơ sở nên áp dụng vào Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị N. Chị Nguyễn Thị Bích N được ly hôn anh Lâm Thành B.

[4]Xét về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Lâm Thành B chung sống với nhau không có con chung nên chị N không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Lâm Thành B không có tạo lập ra tài sản chung và không có nợ ai, không ai nợ vợ chồng chị. Chị N không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Nguyễn Thị Bích N nộp 300.000 đồng, chị N được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013829 ngày 13/10/2022 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ – HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích N.

1/Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích N được ly hôn anh Lâm Thành B.

2/Về con chung: không có, không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Bích N nộp 300.000 đồng, chị N được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013829 ngày 13/10/2022 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/Án xử công khai vắng mặt 2 người nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N và bị đơn anh Lâm Thành B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi thường trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhân:

- TAND Tỉnh;
- VKS Huyện;
- THA huyện;
- UBND xã Thành Lợi,
- Huyện Bình Tân, Vĩnh Long
- các đương sự;
- Lưu.

Phạm Thành Tự